ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC
HUYỆN ỦY HỚN QUẢN
*

Số 1693-CV/HU
V/v sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Hớn Quản, ngày 4 tháng 6 năm 2019

Kính gửi: - UBND huyện,
- Các Ban xây dựng Đảng Huyện ủy,
- Văn phòng Huyện ủy,
- MTTQ và các đoàn thể CT-XH huyện,
- Các chi, đảng bộ trực thuộc Huyện ủy.

Thực hiện Kế hoạch số 179-KH/HU ngày 31/5/2019 của Tỉnh ủy về sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW của Bộ Chính trị về *"Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát kê khai tài sản"*; Thường trực Huyện ủy đề nghị:

1. Các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo quy định, báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW của Bộ Chính trị theo Đề cương và các phụ lục gửi kèm. Các báo cáo gửi về Thường trực Huyện ủy *(qua Văn phòng Huyện ủy)* **trước ngày 17/6/2019**.

Lưu ý: Thời gian lấy số liệu thống kê từ 01/01/2014 đến 31/12/2018.

2. Giao Văn phòng Huyện ủy chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp, tham mưu Huyện ủy báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW của Bộ Chính trị về Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy theo quy định.

Nơi nhận:
- Thường trực Huyện ủy,
- Như trên,
- VPHU (TH),
- Lưu VPHU.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
HUYỆN ỦY HỚN QUẢN
ĐẢNG BỘ T. BÌNH PHƯỚC

Nguyễn Thị Kim Ngọc

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW, ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản"

(kèm theo Kế hoạch số -KH/TU, ngày /5/2019 của Tỉnh ủy)

I. Khái quát đặc điểm, tình hình của đơn vị, địa phương ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW và các quy định của pháp luật về kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản

Nêu đặc điểm, tình hình của đơn vị, địa phương; cơ cấu tổ chức có tác động *(thuận lợi, khó khăn)* trong việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW và các quy định của pháp luật về kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản.

II. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và kết quả triển khai thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW

1. Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW

- Các hình thức được cấp ủy, tổ chức đảng triển khai phổ biến, quán triệt (*hội nghị, qua các phương tiện thông tin đại chúng, phát hành tài liệu, tổ chức các lớp tập huấn...*); số lượng các cuộc quán triệt; số tài kiệu được phát hành;
- Số lượng cán bộ, đảng viên tham gia học tập, quán triệt;
- Đánh giá kết quả triển khai phổ biến, quán triệt (*nhận thức của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cán bộ, công chức trong việc kê khai và kiểm soát kê khai tài sản và trách nhiệm trong công tác này*).

2. Ban hành văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW

- Các văn bản các cấp ủy, tổ chức đảng trực tiếp ban hành để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện (*nêu số lượng và tên một số văn bản tiêu biểu*);
- Các văn bản do cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền ban hành để triển khai thực hiện;
- Đánh giá tính kịp thời, sự phù hợp, khả thi của các văn bản được ban hành (bao gồm cả văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và văn bản triển khai thực hiện của chính quyền).

3. Lãnh đạo, chỉ đạo và kết quả thực hiện việc kê khai, công khai, kiểm tra, xác minh bản kê khai tài sản và xử lý vi phạm theo quy định

3.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Việc chỉ đạo, đôn đốc cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi phụ trách tổ chức thực hiện việc kê khai đảm bảo thời gian, đầy đủ nội dung và đúng đối tượng.
- Chỉ đạo việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định (*hình thức công khai; địa điểm công khai để tạo điều kiện cho mọi người thuận lợi trong việc tiếp cận tìm hiểu*).
- Đánh giá tính chủ động trong việc kiểm tra, xác minh và yêu cầu cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức thuộc diện quản lý giải trình trong việc kê khai tài sản thu nhập.

3.2. Kết quả thực hiện

3.2.1. Kết quả kê khai tài sản

- Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tổ chức kê khai.
- Tổng số người phải kê khai.
- Tổng số người phải kê khai thuộc diện cấp ủy quản lý.... (chiếm...%).
- Số người đã thực hiện kê khai..... (đạt.....%).
- Số người chậm thực hiện kê khai.... (chiếm....%); lý do.

3.2.2. Kết quả công khai bản kê khai và giải trình việc kê khai

- Số bản kê khai được công khai bằng hình thức niêm yết.
- Số bản kê khai được công khai bằng hình thức công bố tại cuộc họp.
- Số bản kê khai chưa được công khai; lý do.
- Số người được yêu cầu giải trình.

3.2.3. kết quả kiểm tra xác minh tài sản

- Số người được kiểm tra, xác minh tài sản, trong đó:

+ Số người được kiểm tra, xác minh do có đơn thư tố cáo không trung thực trong việc kê khai;

+ Số người được kiểm tra, xác minh để có thông tin phục vụ việc bầu cử, bổ nhiệm, bãi nhiệm hoạc kỷ luật.

+ Số người được kiểm tra, xác minh khi có căn cứ cho rằng việc giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm không hợp lý;

+ Số người được kiểm tra, xác minh khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

3.2.4. Kết quả xử lý vi phạm quy định về minh bạch tài sản

- Số người bị xử lý kỷ luật do chậm tổ chức việc kê khai.
- Số người bị xử lý kỷ luật do không tổ chức việc công khai bản kê khai.
- Số người bị xử lý kỷ luật do chậm tổng hợp, báo cáo kết quả về minh bạch tài sản.
- Số người bị xử lý kỷ luật do chậm kê khai tài sản.
- Số người bị xử lý kỷ luật do kê khai tài sản không trung thực.
- Số người bị xử lý trách nhiệm trong việc xác minh tài sản không trung thực.
- Kết quả xủa lý: khiển trách....., cảnh cáo..., các hình thức khác....

3.2.5. Đánh giá kết quả kê khai, công khai, kiểm tra, xác minh bản kê khai tài sản và xử lý vi phạm theo quy định

4. Lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra việc thực hiện quy định của Đảng và Nhà nước về kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản

- Ban hành các văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc cơ quan chức năng trong công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra việc thực hiện quy định của Đảng và Nhà nước về kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản.
- Việc tổ chức kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện quy định của Đảng và Nhà nước về kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản.
- Đanh giá kết quả kiểm tra, giám sát, thanh tra.

5. Lãnh đạo hoàn thiện quy định của pháp luật về kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản; quản lý bản kê khai tài sản; xây dựng cơ sở dữ liệu về tài sản của người có chức vụ quyền hạn

- Lãnh đạo việc hoàn thiện các quy định để thực hiện pháp luật về kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản (*đánh giá theo chức năng, nhiệm vụ*).

- Lãnh đạo việc quản lý bản kê khai tài sản phù hợp, sát với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị mình.

- Lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng cơ sở dữ liệu về tài sản của người có chức vụ, quyền hạn; kiểm soát thu nhập của người có chức vụ quyền hạn...; áp dụng các biện pháp hỗ trợ công tác kiểm soát việc kê khai tài sản.

- Chỉ đạo việc xây dựng hồ sơ quản lý, sử dụng, khai thác bản kê khai tài sản theo quy định.

- Đánh giá việc hoàn thiện quy định của pháp luật về kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản; về xây dựng cơ sở dữ liệu về tài sản của người có chức vụ quyền hạn; kiểm soát thu nhập của người có chức vụ quyền hạn...; áp dụng các biện pháp hỗ trợ công tác kiểm soát việc kê khai tài sản; việc xây dựng hồ sơ quản lý, sử dụng, khai thác bản kê khai tài sản theo quy định.

6. Lãnh đạo thực hiện chế độ báo cáo

Việc thực hiện thời hạn gửi báo cáo; chất lượng báo cáo.

III. Đánh giá chung

1.Ưu điểm

Đánh giá những ưu điểm nổi bật trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện những công việc mà Chỉ thị số 33-CT/TW đã nêu, nhất là việc khắc phục những hạn chế được nêu trong Chỉ thị.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

Đánh giá những tồn tại, hạn chế chủ yếu trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện những công việc mà Chỉ thị số 33-CT/TW đã nêu, nhất là tính hiệu quả của việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản (*việc kê khai còn mang tính hình thức không? đã kiểm soát được tài sản của đối tượng thuộc diện kê khai chưa? Việc xử lý tài sản tăng thêm không giải trình được hợp lý về nguồn gốc như thế nào?...*).

2.2. Nguyên nhân của tồn tại hạn chế

- Nguyên nhân khách quan.

+ Từ cơ chế, chính sách (nêu rõ những vướng mắc, bất cập trong các quy định của Đảng, pháp luật Nhà nước về kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản, kể cả luật PCTN năm 2018. Cụ thể về đối tượng có nghĩa vụ kê khai; về phạm vi kê khai; về hình thức công khai; về quản lý, khai thác, sử dụng bản kê khai; về xử lý hành vi kê khai tài sản, thu nhập không trung thực, giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực; xử lý tài sản tăng thêm không giải trình được hợp lý về nguồn gốc....);

+ Các nguyên nhân khác.

- Nguyên nhân chủ quan.

+ Từ nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền, cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản;

+ Các nguyên nhân khác.

- Xác định nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tồn tại hạn chế.

3. Bài học kinh nghiệm

- Về việc nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong việc thực hiện các quy định của Đảng, Nhà nước về kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản.

- Về sự lãnh đạo của cấp ủy, người đứng đầu trong việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài.

- Về công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra việc thực hiện quy định của Đảng, Nhà nước về kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản; kiểm tra, xác minh tài sản; xử lý vi phạm trong công tác kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản.

- Những bài học kinh nghiệm.

IV. Phương hướng, giải pháp và đề xuất, kiến nghị nâng cao hiệu quả của việc kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản

1. Phương hướng, giải pháp

Những phương hướng, giải pháp phát huy ưu điểm, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong việc kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản trong thời gian qua tại đơn vị, địa phương.

2. Đề xuất kiến nghị

2.1. Đối với Bộ Chính trị liên quan đến các nội dung Chỉ thị 33-CT/TW (*nêu rõ nội dung nào cần sửa đổi, nội dung nòa cần bổ sung; sửa đổi bổ sung theo hướng nào; có cần thiết ban hành văn bản mới thay thế Chỉ thị 33-CT/TW không, hình thức văn bản gì*).

2.2. Đối với các cơ quan có thẩm quyền những nội dung nào cần hoàn thiện về pháp luật và hướng hoàn thiện, nhất là việc xử lý tài sản tăng thêm không giải trình được hợp lý về nguồn gốc.

2.3. Về các giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản.

2.4. Các đề xuất, kiến nghị cụ thể khác.

Lưu ý: - *Thời gian lấy số liệu báo cáo trong 05 năm: 2014, 2015, 2016, 2017, 2018.*

- *Đề nghị các cơ quan, đơn vị báo cáo bám sát Đề cương và gửi về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Nội chính Tỉnh ủy) đúng thời gian quy định.*

CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ:

PHỤ LỤC 01

CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VÀ TỔ CHỨC QUÁN TRIỆT, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỈ THỊ 33

Năm	Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị			Ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo		Ghi chú
	Số lượng các cuộc hội nghị, các lớp tập huấn... được tổ chức	Số lượng cán bộ, đảng viên tham gia	Số lượng tài liệu, ấn phẩm được phát hành	Số lượng văn bản do ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương; văn bản do tỉnh uỷ, thành uỷ và các văn bản do cấp uỷ cấp dưới trực tiếp ban hành để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện	Số lượng văn bản do bộ, ngành ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền ban hành; văn bản do chính quyền địa phương và các cơ quan chuyên môn trực thuộc ban hành để chỉ đạo, tổ chức thực hiện	
2014						
2015						
2016						
2017						
2018						
Tổng số						

CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ:

PHỤ LỤC 02

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KÊ KHAI, CÔNG KHAI VIỆC KÊ KHAI TÀI SẢN

Năm	Kết quả thực hiện kê khai						Kết quả việc thực hiện công khai				Ghi chú
	Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tổ chức kê khai	Số người phải kê khai tài sản thu nhập trong năm	Số người đã kê khai	Số người chậm thực hiện kê khai	Số người kê khai do cấp ủy quản lý	Số người được yêu cầu giải trình trong việc kê khai	Số người công khai theo hình thức niêm yết	Số người công khai theo hình thức cuộc họp	Số người công khai theo hình thức khác	Số bản kê khai chưa được công khai	
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
2014											
2015											
2016											
2017											
2018											
Tổng số											

CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ:

PHỤ LỤC 03

KẾT QUẢ XÁC MINH VÀ XỬ LÝ VI PHẠM VIỆC KÊ KHAI TÀI SẢN

Năm	Kết quả xác minh tài sản, thu nhập				Kết quả xử lý vi phạm quy định về minh bạch tài sản						Ghi chú
	Số người được xác minh do có đơn tố cáo kê khai tài sản không trung thực trong việc kê khai	Số người được xác minh để có thông tin phục vụ việc bầu cử, bổ nhiệm, bãi nhiệm hoặc kỷ luật	Số người được xác minh khi có căn cứ cho rằng việc giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm không hợp lý	Số người được xác minh khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền	Số người bị xử lý kỷ luật do chậm tổ chức việc kê khai	Số người bị xử lý kỷ luật do không tổ chức việc công khai bản kê khai.	Số người bị xử lý kỷ luật do chậm tổng hợp, báo cáo kết quả về minh bạch tài sản	Số người bị xử lý kỷ luật do chậm kê khai tài sản	Số người bị xử lý kỷ luật do kê khai tài sản không trung thực	Số người bị xử lý trách nhiệm trong việc xác minh tài sản không trung thực	
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
2014											
2015											
2016											
2017											
2018											
Tổng số											

CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ:

PHỤ LỤC 04A

KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA TRÁCH NHIỆM VIỆC KÊ KHAI TÀI SẢN CỦA BAN, BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG

TT	Diễn giải	Tổng số	2014	2015	2016	2017	2018	Ghi chú
1	Số cuộc thanh tra, kiểm tra							
	- Số cuộc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch							
	- Số cuộc thanh tra, kiểm tra đột xuất							
2	Số cuộc thanh tra, kiểm tra đã triển khai							
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được TT, KT							
4	Số cuộc thanh tra, kiểm tra đã có kết luận							
5	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã kết luận có vi phạm							
	- Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã kết luận có vi phạm, thiếu sót trong việc: Xây dựng chương trình kế hoạch; Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện chương trình, kế hoạch							
	- Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã kết luận có vi phạm, thiếu sót trong việc: Tổ chức kê khai, công khai, quản lý, lưu giữ, khai thác, sử dụng Bản kê khai tài sản của người có nghĩa vụ kê khai do mình quản lý; tổ chức việc xác minh theo quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; kết luận và công khai kết luận xác minh							
6	Số người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị bị xử lý trách nhiệm do vi phạm quy định về kê khai, công khai, quản lý, sử dụng Bản kê khai, xác minh, kết luận, công khai kết luận xác minh trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý theo quy định của pháp luật.							

CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ:

PHỤ LỤC 04 B

KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA TRÁCH NHIỆM KÊ KHAI TÀI SẢN Ở ĐỊA PHƯƠNG

Năm	Số cuộc thanh tra, kiểm tra		Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được TT, KT	Số cuộc TT, KT đã triển khai	Số cuộc TT, KT đã có kết luận	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã có kết luận vi phạm		Số người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị đã xử lý trách nhiệm do vi phạm quy định về kê khai, công khai, quản lý, sử dụng Bản kê khai, xác minh, kết luận, công khai kết luận xác minh trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý theo quy định của PL	Ghi chú
	Số cuộc TT, KT theo kế hoạch	Số cuộc TT, KT đột xuất				Số cơ quan tổ chức đã kết luận có vi phạm, thiếu xót trong việc: Xây dựng chương trình, kế hoạch; chỉ đạo kiểm tra, đôn đốc thực hiện chương trình, kế hoạch	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã có kết luận vi phạm, thiếu xót trong việc: tổ chức kê khai, công khai, quản lý, lưu giữ, khai thác và sử dụng Bnả kê khai tài sản của người có nghĩa vụ kê khai do mình quản lý; thổ chức việc xác minh theo quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; kết luận và công khai kết luận xác minh		
2014									
Tỉnh									
Huyện, thị, thành ủy									
Sở, ban, ngành,									
2015									
Tỉnh									

Huyện, thị, thành ủy										
Sở, ban, ngành										
2016										
Tỉnh										
Huyện, thị, thành ủy										
Sở, ban, ngành										
2017										
Tỉnh										
Huyện, thị, thành ủy										
Sở, ban, ngành										
2018										
Tỉnh										
Huyện, thị, thành ủy										
Sở, ban, ngành										
Tổng số	*Tỉnh*									
	Huyện, thị, thành ủy									
	Sở, ban, ngành									